

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05 /2019/DSST.**

Ngày: 17/4/2019.

V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Mận.

Các hội thẩm nhân dân :

1. Ông Trần Minh Tuấn.
2. Ông Nguyễn Hữu Phước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thăng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Huyện H; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2018/TLST - DS ngày 14/12/2018; về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*”; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2019; quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST- HPT ngày 27/3/2019 và thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 05/2019/TB –TA ngày 01/4/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Đ, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn 1, xã Nghi Đức, Huyện H, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

2. *Bị đơn:*

- Anh Nguyễn Đức Th, sinh năm 1980; Vắng mặt.
- Chị Hồ Thị Tuyết Th, sinh năm 1980; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: KP Lạc Tín, thị trấn Lạc Tánh, Huyện H, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - bà Võ Thị Đ yêu cầu:

Bà Đ khởi kiện, yêu cầu buộc vợ chồng anh Nguyễn Đức Th, chị Hồ Thị Tuyết Th phải trả cho Bà Đ số tiền đã vay là 60.000.000đ. Căn cứ khởi kiện là: Vào ngày 05/12/2017 Bà Đ cho anh Th và Chị Th mượn số tiền là 60.000.000đ. Tại thời điểm giao dịch, thì anh Th, Chị Th có viết cho Bà Đ một giấy mượn tiền và thỏa thuận thời

hạn 02 tháng sẽ thanh toán số tiền trên cho Bà Đ. Tuy nhiên hết thời hạn nói trên thì vợ chồng Chị Th, anh Th vẫn không trả tiền cho Bà Đ. Sau nhiều lần yêu cầu vợ chồng anh Th, Chị Th trả nợ nhưng anh Th và Chị Th vẫn không trả thì Bà Đ đã làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Huyện H. Ngày 13/8/2018, vợ chồng anh Th và Chị Th đã viết giấy hẹn nợ cho Bà Đ với nội dung là đến tháng 10 năm 2018 sẽ trả nợ cho Bà Đ, vì vậy Bà Đ đã rút đơn khởi kiện đối với anh Th, Chị Th. Nhưng từ khi viết giấy hẹn đến nay thì vợ chồng anh Th, Chị Th không chịu trả nợ cho Bà Đ mặc dù Bà Đ đã tìm mọi cách liên lạc yêu cầu anh Th, Chị Th trả nợ nhưng Chị Th và anh Th không thực hiện do đó Bà Đ phải khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Th và Chị Th trả cho Bà Đ số tiền 60.000.000đồng.

Chứng cứ mà Bà Đ cung cấp cho Tòa án là: “*Giấy cho mượn tiền*” viết tay đề ngày 05/12/2017 và “*Giấy hẹn nợ*” đề ngày 13/8/2018.

Bị đơn - Chị Hồ Thị Tuyết Th trình bày:

Vào ngày 05/12/2017 vợ chồng anh Nguyễn Đức Th và chị Hồ Thị Tuyết Th có vay của bà Võ Thị Đ số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) để đầu tư phát triển kinh tế, trong quá trình làm ăn bị thất bại, thua lỗ nên vợ chồng anh Th, Chị Th không có điều kiện để trả nợ cho Bà Đ và hẹn Bà Đ bắt đầu năm 2019 vợ chồng anh Th, Chị Th sẽ trả cho Bà Đ mỗi tháng 5.000.000đ cho đến khi trả hết số tiền còn nợ nói trên.

Bị đơn không cung cấp chứng cứ gì cho Tòa án.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện H phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Tuy nhiên, bị đơn Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Th, Chị Th vẫn vắng mặt không có lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

- *Quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 463, 466, khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Đ: Buộc vợ chồng anh Nguyễn Đức Th, chị Hồ Thị Tuyết Th phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị Đ số tiền 60.000.000 đồng đã vay.

Về án phí: Đề nghị buộc vợ chồng anh Th, Chị Th phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm và hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Bà Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe các đương sự trình bày; nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện H phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn - Anh Nguyễn Đức Th, chị Hồ Thị Tuyết Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nên HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] *Về quan hệ tranh chấp trong vụ án:* Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện vào ngày 05/12/2017 giữa bà Võ Thị Đ và vợ chồng anh Nguyễn Đức Th, chị Hồ Thị Tuyết Th có xác lập hợp đồng vay tiền với nhau. Tuy nhiên phía bị đơn anh Th và Chị Th đã không thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng, cụ thể chưa thanh toán tiền vay cho bà Võ Thị Đ nên Bà Đ khởi kiện vợ chồng anh Th, Chị Th tại Tòa án, yêu cầu phải trả số tiền vay 60.000.000đồng. Do đó HĐXX xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” là phù hợp với quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự 2015.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Võ Thị Đ:*

Tại phiên Tòa hôm nay, nguyên đơn - bà Võ Thị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc vợ chồng anh Nguyễn Đức Th, chị Hồ Thị Tuyết Th phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Bà Đ số tiền vay là 60.000.000đ, không yêu cầu tính lãi. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn - bà Võ Thị Đ đã cung cấp chứng cứ là “Giấy cho mượn tiền” viết tay đề ngày 05/12/2017 và “Giấy hẹn nợ” đề ngày 13/8/2018 có chữ ký của anh Nguyễn Đức Th và chị Hồ Thị Tuyết Th; trong quá trình tố tụng chị Hồ Thị Tuyết Th có trình bày bằng bản tự khai xác nhận vợ chồng anh Th, Chị Th còn nợ Bà Đ số tiền 60.000.000đồng. Như vậy có đủ căn cứ để xác định rằng: Ngày 05/12/2017, giữa bà Võ Thị Đ và vợ chồng anh Nguyễn Đức Th, chị Hồ Thị Tuyết Th có xác lập với nhau một hợp đồng vay tài sản. Theo đó bà Võ Thị Đ cho vợ chồng anh Nguyễn Đức Th và chị Hồ Thị Tuyết Th vay số tiền 60.000.000đồng; thời hạn vay là 02 tháng; hợp đồng vay không lãi suất. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì đến tháng 2/2018 anh Th và Chị Th phải trả nợ vay cho Bà Đ tuy nhiên anh Th và Chị Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Sau khi áp dụng mọi biện pháp để yêu cầu anh Th, Chị Th trả nợ không có hiệu quả thì đến khoảng tháng 8/2018 thì Bà Đ đã làm đơn khởi kiện đối với vợ chồng anh Th, Chị Th tại Tòa án nhân dân Huyện H để thu hồi nợ. Vụ án đã được Tòa án nhân dân Huyện H thụ lý, ngày 13/8/2018, sau khi gặp Bà Đ trao đổi thì anh Th và Chị Th đã viết “Giấy hẹn nợ” cho Bà Đ trong đó cam kết trả số tiền nợ 60.000.000đồng cho Bà Đ vào tháng 10/2018; nếu vi phạm nghĩa vụ thì chịu lãi suất từ ngày vay là 5/12/2017 nên Bà Đ đã rút đơn khởi kiện tại Tòa án, Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Hết thời hạn theo cam kết thì vợ chồng anh Th, Chị Th vẫn không trả được nợ cho Bà Đ vì vậy Bà Đ tiếp tục khởi kiện tại Tòa án nhân dân Huyện H để thu hồi nợ. Do đó Hội đồng xét xử xác định vợ chồng anh Nguyễn Đức Th và chị Hồ Thị Tuyết Th còn nợ bà Võ Thị Đ 60.000.000đồng nên cần buộc vợ chồng anh Nguyễn Đức Th và chị Hồ Thị Tuyết Th phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Võ

Thị Đ số tiền nợ vay là 60.000.000đồng là phù hợp với quy định tại điều 466 Bộ luật dân sự.

Về tiền lãi trên số nợ vay 60.000.000đồng: Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, Bà Đ không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nói trên, do đó Hội đồng xét xử không xem xét đến tiền lãi trong vụ án này là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Bà Đ được chấp nhận toàn bộ nên cần buộc vợ chồng anh Nguyễn Đức Th, chị Hồ Thị Tuyết Th phải liên đới nộp án phí DS/ST; trả lại tiền tạm ứng án phí DSST cho Bà Đ là phù hợp với quy định tại các Điều 146, 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 điều 5, các Điều 146, 147, 203 và khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật TTDS;
- Các Điều 463, 466 và khoản 2 Điều 357 BLDS 2015;
- Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Đ:

Buộc vợ chồng anh Nguyễn Đức Th và chị Hồ Thị Tuyết Th phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị Đ số tiền **60.000.000đồng (Sáu mươi triệu đồng)**. Chia phần anh Nguyễn Đức Th và chị Hồ Thị Tuyết Th mỗi người phải trả cho bà Võ Thị Đ số tiền **30.000.000 đồng**.

Kể từ ngày 18/4/2019 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (anh Th, Chị Th) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không thỏa thuận được về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

- Buộc vợ chồng anh Nguyễn Đức Th, chị Hồ Thị Tuyết Th phải liên đới nộp 3.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chia phần anh Th và Chị Th mỗi người phải nộp 1.500.000 đồng án phí DS/ST.
- Trả lại cho bà Võ Thị Đ số tiền 1.500.000.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số N. 0013020, ngày 14/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự Huyện H.

Án xử sơ thẩm. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 17/4/2019. Bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Huyện H;
- Các đương sự.....;
- Chi cục Thi hành án DS h.Tánh Linh;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Mận